TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/DS-PT
Ngày: 26-6-2019
V/v Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thanh Việt là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2019/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thị xã AN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức P**

Cư trú tại: I NGT, P. BĐ, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Bà **Đào Thị N**

Cư trú tại: II TP, P. BĐ, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đức P là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức P trình bày:

Ông và bà Đào Thị N chung sống với nhau từ năm 1981, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do công ty của ông chuyển sang cổ phần hóa, thu nhập của ông giảm nên ông bàn bạc với vợ và các con bán ngôi nhà vợ chồng đang ở, mua một ngôi nhà nhỏ hơn để vợ chồng sinh sống và có một khoản tiền. Ban đầu, vợ và các con đồng ý nhưng sau đó bà N thay đổi không muốn bán nhà và tìm đủ mọi cách để ông không bán nhà được nên từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hơn nữa, ông và con con trai lớn không hòa thuận. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên ông đã dọn đến khu tập thể công ty sinh sống và nộp đơn yêu cầu ly hôn năm 2017. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm bác yêu cầu ly hôn của ông. Từ đó đến nay vợ chồng vẫn mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu ly hôn bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Đức L, sinh năm: 1982; Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1984; Nguyễn Đức T, sinh năm: 1987 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1988. Các con đã trưởng thành, có gia đình và công việc ổn định tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Năm 1997 vợ chồng nhận chuyển nhượng nhà đất số II TP, P. BĐ, thị xã AN, diện tích xây dựng 80m^2, diện tích sàn 164,8m^2 và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng. Ly hôn, ông yêu cầu chia đôi giá trị tài sản, người nhận nhà phải thanh toán lại ½ giá trị.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn bà Đào Thị N trình bày:

Thống nhất ông bà chung sống với nhau từ năm 1981 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống với mẹ bà ở xã NT đến năm 1996 – 1997 vợ chồng mua nhà ra ở riêng tại số II TP, P. BĐ, thị xã AN. Vợ chồng chung sống với nhau bình thường, chỉ có mâu thuẫn giữa con trai lớn với ông P. Đầu năm 2017 ông P làm đơn ly hôn nhưng Tòa án nhân dân thị xã AN và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bác yêu cầu ly hôn của ông P. Sau khi Tòa bác đơn ly hôn ông P đi luôn không về nhà thời gian, từ đó đến nay vợ chồng không gặp, liên lạc nhau. Tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất như ông P trình bày và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Thống nhất như ông P trình bày nhưng bà không đồng ý chia tài sản chung.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2019/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã AN quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đức P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hôn gia đình sơ thẩm, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn ông Nguyễn Đức P kháng cáo yêu cầu được ly hôn với bà Đào Thị N và yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông P, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức P và bà Đào Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1981, dù không có đăng ký kết hôn nhưng vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội.

[2] Ông P kháng cáo yêu cầu ly hôn bà N, thấy rằng: Năm 2016 ông P yêu cầu ly hôn bà N. Nhận thấy mâu thuẫn của ông bà chưa đến mức trầm trọng và để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm và phúc thẩm bác yêu cầu ly hôn của ông P. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay ông P bà N không sống chung với nhau; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng cấp sơ thẩm tiếp tục bác yêu cầu ly hôn của ông P là không phù hợp quy định tại Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông P, sửa bản án sơ thẩm.

Cấp sơ thẩm bác yêu cầu xin ly hôn của ông P nên không giải quyết yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Do đó, cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết. Ông P được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn bằng vụ án khác.

[3] Án phí: Ông P thuộc người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV. Cấp sơ thẩm buộc ông P nộp và chịu án phí là chưa chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông P; sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1.Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức P xin ly hôn bà Đào Thị N.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đức P được hoàn lại 24.300.000đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008780 ngày 06 tháng 8 năm 2018 và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004563 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã AN.

3. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về chi phí định giá không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã AN;
- CCTHA dân sự thị xã AN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thu